

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+PPD+GTCl	7:25	2+11+9	0+0+0		1+10+11	0+0+0	
2		BK16+P10+AMD	7:25	6+4+12	0+0+0		6+0+16	0+0+0	
3		CTK3+P1	7:25	20+2	0+0		14+8	0+0	
4		T.UNG	7:30	15	0		19	0	
5		RC4+CLO+CTK3	9:25	6+3+13	0+0+0		0+1+21	0+0+0	1 XL VỀ QUA CLO
6		AMD+PPD+BK16	9:25	13+8+0	0+0+0		3+17+2	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
BK16-1 NGUOI ĐI VỀ TRONG NGÀY



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2018	TO: P7 - PPD - GTC1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TTrung - Phòng - Năm	ETA: 09:10
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN THIÊN	P7	52-53	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
2	KHÔNG QUỐC TIEN	P7	50-51	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
3	PHÙNG PHÚ SỬA	PPD	55	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ MẠNH HÙNG	PPD	53	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ CHI KIẾN	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẠO MẠNH HUY	PPD	64	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRỊNH DUY NAM	PPD	56	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD	57	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TÂN	PPD	58	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC ANH	PPD	54	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	DUYỆNG ĐẠI THẮNG	PPD	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỞNG GIANG	PPD					60	KH-THAC	Vietnamese
14	BADIKOV	GTC1	35	1	7		70	KH-THAC	Russian
15	NGUYỄN HỮU TÂN	GTC1	94	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ TRUNG KIẾN	GTC1	93	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN BÁC	GTC1				40	62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN SƠN HÀ	GTC1	66	1	6	160	70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH CÔNG	GTC1	97	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH TRUNG	GTC1	98-99	2	7		68	CODIEN	Vietnamese
21	NGÔ TRUNG LUYỆN	GTC1	92	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	ĐINH QUANG KHÔI	GTC1	99	1	5		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	2	4	27	125	0	1		
2	PPD	11	8	37	779	0	10		
3	GTC1	9	9	52	617	200	11		
TOTAL		22	21	116	1.521	200	22		
WEIGHT KG				116	1.521	200			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/10/2018	TO: BK16 - P10 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hoi - MTHAO - HUY	ETA: 09:15
vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MẠNH HÙNG	BK16					74	ANTOAN	Vietnamese
2	VŨ VĂN TIẾN	BK16	77	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN HÙNG	BK16					81	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ MINH THẮNG	BK16	76	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯU ĐỨC TUÂN	BK16	78	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN XUÂN HOA	BK16				50	72	PSV	Vietnamese
7	KRAMARENKO	P10	43	1	5	25	70	D-HANH	Russian
8	MIRSAIAPOV	P10	41	1	5	12	105	D-HANH	Russian
9	SEDELKIN	P10					98	KH-THAC	Russian
10	BABUSHEV	P10	42	1	5		94	ANTOAN	Russian
11	TRINH THUONG MAI	AMD	28-29	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
12	THAN CANH THINH	AMD	25-27	3	16		78	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ THANH HAI	AMD	33	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC TUÂN	AMD	38	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	23-24	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG MINH ĐỨC (PVDT)	AMD	36-37	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TÀNG XUÂN HAI (PVDT)	AMD	35	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	AMD	31	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	30	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NGHIỆP	AMD	39	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN THIN	AMD	32	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HIẾU	AMD	34	1	5	5	77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

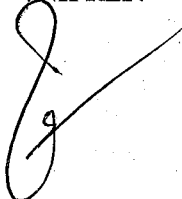
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	6	3	11	432	50	6		
2	P10	4	3	15	367	37	0		
3	AMD	12	17	91	826	5	16		
TOTAL		22	23	117	1.625	92	22		
WEIGHT KG				117	1.625	92			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2018	TO: CTK3 - P1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - HNAM	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3					76	YTE	Vietnamese
2	BOGDANOV	CTK3	04	1	6		85	KH-THAC	Russian
3	TRỊNH QUỐC HUY	CTK3	18	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HIỀN	CTK3	01	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY HÀ	CTK3	14	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	07	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN DŨ	CTK3	11	1	2		54	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ MINH ĐỨC	CTK3	08	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÌNH NHỎ HOANG	CTK3	13	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI HUU HUÂN	CTK3	05	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	09	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BA HUỆ	CTK3	15	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ THANH CHUNG	CTK3	12	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN HÈ	CTK3	16	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC THAI	CTK3	02	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI SỸ LONG	CTK3	17	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	06	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
18	TSVETKOV	CTK3	03	1	6		105	KH-THAC	Russian
19	TRẦN QUỐC KIỆM	CTK3					87	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CẢNH HÙNG	CTK3	10	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI ĐỨC CHÍNH	P1	10	1	3	55	62	PSV	Vietnamese
22	PHAN THANH NAM	P1	09	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	20	18	93	1.469	0	14		
2	P1	2	2	8	137	55	8		
TOTAL		22	20	101	1.606	55	22		
WEIGHT KG				101	1.606	55			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL

PAX CARGO

14

8

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/1/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: KIÊN - MTiến	ETA: 10:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ TUẤN MẠNH	BK THIE					69	PVD	Vietnamese
2	HUYNH HIẾU NGHĨA	BK THIE	31	1	8		76	PVD	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY TUẤN	BK THIE	34	1	6		80	PVD	Vietnamese
4	BAGRAMOV A.G	BK THIE	28	1	3		88	KH-THAC	Russian
5	PHAN QUANG HÒA	BK THIE	38	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
6	KIEU XUÂN TÂM	BK THIE	35	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO DUY TÚ	BK THIE	40	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN TRỌNG	BK THIE	30	1	3	75	63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HẢI	BK THIE	33	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIỀN SƠN	BK THIE	39	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ HỒNG QUANG	BK THIE	37	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ MINH HỢI	BK THIE	36	1	3		66	PSV	Vietnamese
13	ĐỖ ĐẶNG THANH	BK THIE	29	1	5		66	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN QUANG	BK THIE					66	PSV	Vietnamese
15	PHẠM HÙNG SƠN	BK THIE	32	1	5		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	15	13	61	1.067	75	19		
	TOTAL	15	13	61	1.067	75	19		
	WEIGHT KG			61	1.067	75			

GRAND TOAL: 1.203 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/10/2018	TO: RC4 - CLO - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: TTrung - Phong - Năm	ETA: 11:20
XANH-2.			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ HOÀNG TÂN	RC4	11-12	2	17		95	DVL	Vietnamese
2	PHẠM HAI LONG	RC4	14	1	10		82	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN THIẾU BÌNH	RC4	18-19	2	16	15	58	DVL	Vietnamese
4	ĐÀO ANH HUYNH	RC4	13	1	10		75	DVL	Vietnamese
5	VŨ CHÍ THANH	RC4	20	1	8		75	DVL	Vietnamese
6	VŨ ANH TRỌNG	RC4	15	1	12		68	DVL	Vietnamese
7	TRẦN ANH TUÂN	CLO	99	1	10		76	DVL	Vietnamese
8	TẠ MINH UY	CLO	98	1	15	90	60	DVL	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG QUY	CLO	699	1	10		62	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN NHÂN KHANH	CTK3	500	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUANG THẮNG	CTK3	94	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN KHÁC THẮNG	CTK3	99	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	95	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MƯỜI	CTK3	92	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	695	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	CTK3	700	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NG. TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	98	1	10	7	82	KH-THAC	Vietnamese
18	PANKRATOV	CTK3	994	1	15	20	105	ANTOAN	Russian
19	NGUYỄN VĂN MINH	CTK3	699	1	15		65	T-TIN	Vietnamese
20	ĐINH XUÂN TOÀN	CTK3	96-97	2	15		60	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TÚ	CTK3	99	1	7		65	T-TIN	Vietnamese
22	THAI MINH HAI	CTK3	400	1	10		65	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	6	8	73	453	15	0		
2	CLO	3	3	35	198	90	1		
3	CTK3	13	14	110	927	27	21		
TOTAL		22	25	218	1.578	132	22		
WEIGHT KG				218	1.578	132			

GRAND TOAL: 1.928 KGS

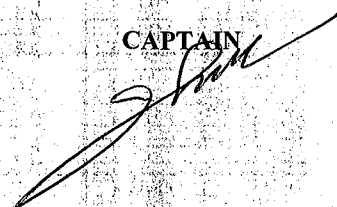
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



ARRIVAL
PAX CARGO
0



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2018	TO: AMD - PPD - BK16	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Hôi - MTHAO - HUY	ETA: 11:25
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM THANH HUNG	AMD	05-06	2	17		56	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO THÈ THANH	AMD	01-02	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐO NGÂN GIANG	AMD	46-47	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH VAN KIET	AMD	48	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HAU	AMD	03-04	2	8		55	KH-THAC	Vietnamese
6	LIEN KIM TAI	AMD	41-42	2	8		64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRI THANH	AMD	45	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN CONG TAO	AMD	49	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN PHONG	AMD	43	1	8		80	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NGHE	AMD	44	1	5		75	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN MANH THANG	PPD	87	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG CUONG	PPD	88	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
13	TRUONG TRI DUNG	PPD	86	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LUONG VAN TANG	PPD	89	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MANH CHIEN	PPD	85	1	5	90	58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HA	PPD	90	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM LE DUONG	PPD	84	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN TRUNG KIEM	PPD	83	1	8		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	10	15	91	659	0	1		
2	PPD	8	8	36	528	90	19		
3	BK16	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		18	23	127	1.187	90	22		
WEIGHT KG				127	1.187	90			

GRAND TOAL: 1.404 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+BK6+P10	7:25	0+0+4	0+0+0		15+0+7	0+0+0	CHUYẾN 3 PAX TỪ TD5-BK6
2		PVD2+BK4+P2	7:25	13+5+4	0+0+0		4+0+18	0+0+0	
3		BK3+P10+BK15	7:25	3+12+6	0+0+0		3+11+8	0+0+0	
4		P9+P10	9:25	12+10	0+0		11+11	0+0	
5		C10+BK10+P11	9:25	2+6+13	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
6		BK3+PVD2	9:25	3+18	0+0		2+20	0+0	
7		P9+BK4	11:25	14+6	0+0		15+7	0+0	
8		BK6+CTK3+P2	11:25	0+4+15	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYẾN 3 PAX TỪ BK6-CTK3

TTBDSX

Ghi Chú: Xem lịch bay sau 17h và mở rộng thông tin để xem tất cả các thông báo.
BK4-1NGUOI ĐI VỀ TRONG NGÀY; 1NGUOI BK8 VỀ QUA TD5

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/10/2018	TO: TD5 - BK6 - P10	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HUNG MÊN	P10	80	1	5		64	YTE	Vietnamese
2	EVSEEV O.V	P10	77	1	8	50	97	KH-THAC	Russian
3	PODYMОВ D.N	P10	79	1	8		130	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN QUỐC KHANH	P10	78	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	0	0	0	0	47	15	3	CHUYEN 03 PAX TU TD5 SANG BK6
2	BK6	0	0	0	0	30	0		
3	P10	4	4	31	371	50	7		
TOTAL		4	4	31	371	127	22		
WEIGHT KG				31	371	127			

GRAND TOAL: 529 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/10/2018	TO: PVD2 - BK4 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - N Nam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI TRONG TOAN	PVD2	99	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
2	RICKY L. DIPPOLD	PVD2	90-91	2	17		83	KHOAN	American
3	NGUYEN THANH THE	PVD2	96	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN DUC NGU	PVD2	94	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM HONG THANG	PVD2	93	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
6	BUI HUU DONG	PVD2	98	1	4	18	69	KHOAN	Vietnamese
7	DANG QUOC THAI	PVD2	97	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
8	DAO QUANG QUYET	PVD2	95	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
9	VO XUAN CANH	PVD2	89	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
10	THAI PHAT	PVD2	61	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN QUOC VIET	PVD2	92	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
12	TÀ HOAI TRANG	BK4	62	1	4		69	ANTOAN	Vietnamese
13	VU VAN CUONG	BK4	64	1	5	50	87	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔNG TRUNG HUY	BK4	65-66	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN DUC BA	BK4	63	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG QUỐC VIỆN	BK4	67	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG QUOC BAO	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
18	VO XUAN TUAN	P2	93-94	2	11		77	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ TRI HAO	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN ANH ĐỨC	P2	92	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	62	1	5	30	67	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	90-91	2	11		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	11	12	75	760	18	4		
2	BK4	5	6	29	384	50	0		
3	P2	6	6	31	416	30	18		
TOTAL		22	24	135	1.560	98	22		
WEIGHT KG				135	1.560	98			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/10/2018	TO: BK3 - P10 - BK15	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - MQUÂN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO VĂN TỰ	BK3					70	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ CÔNG VINH	BK3	08	1	3	20	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN BA DUY	BK3	07	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DUC MAN	BK3	09	1	5		58	PSV	Vietnamese
5	TRẦN KIM NGỌC	P10	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THE HUNG	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG SY NGUYEN	P10	50	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ NGUYEN TRUNG	P10					48	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THE HANH	P10	47	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	49	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HỮU TRI	P10	48	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN KHANH TOAN	P10	53	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN TAM NHAN	P10	58	1	3	50	70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO THANH HA	P10	54	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VIET ANH	P10	46	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUỐC PHI	P10	51	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
17	BAMBUROV E.N	BK15	64	1	7		99	KH-THAC	Russian
18	SCHETRIKOV -V	BK15	65	1	17	20	88	KH-THAC	Russian
19	LƯU TIEN THANH	BK15	66	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN QUANG HOANG	BK15	67	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG KHA	BK15	63	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TRUNG	BK15	62	1	10		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

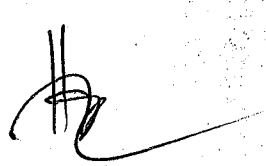
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	4	3	13	255	20	3	50	
2	P10	12	10	54	792	50	11		
3	BK15	6	6	52	488	40	8		
TOTAL		22	19	119	1.535	110	22		
WEIGHT KG				119	1.535	110			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

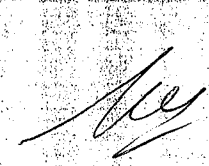
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/10/2018	TO: P9 - P10	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNam	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BA THANH	P9	17	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ ĐỨC HIỀN	P9					50	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	69-70	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN QUÊ	P9	21	1	11		78	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH HAI	P9	72	1	6		86	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TAM THUY	P9	20	1	4	50	75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	73-74	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO VIỆT HAI	P9	71	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ LĂNG TÚ	P9	67	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	18-19	2	17		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	22	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRỊNH THẾ NHAN	P9	68	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUỐC TIẾN	P10	90	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	P10	84	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	91	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ ĐÌNH H. VÂN	P10	85	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HỮU TRI	P10					67	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TRỌNG MẠNH	P10	87-88	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH CÔNG VÂN	P10	86	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
21	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	89	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN MINH BẠCH	P10	92	1	6		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	12	14	89	844	50	11		
2	P10	10	9	42	702	0	11		
TOTAL		22	23	131	1.546	50	22		
WEIGHT KG				131	1.546	50			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/10/2018	TO: CLO - BK10 - P11	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - MQUAN	ETA: 11:10
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN THOM	CLO	02	1	7		50	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN THUONG VU	CLO	03	1	11		85	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN CONG HOAN	BK10	17	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN CHAU NAM	BK10	16	1	9		84	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TUAN ANH	BK10	19	1	8	40	80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGHIEM XUAN ANH	BK10	20	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
7	KISELEV IJU	BK10	18	1	17		93	KH-THAC	Russian
8	MAI CAO DINH	BK10	15	1	5		55	PSV	Vietnamese
9	HOANG MANH CUONG	P11					65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN CO	P11	73	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
11	LE NGOC ANH	P11	74	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI CONG LAN	P11					70	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VAN TUAN	P11				94	59	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO MINH HOANG	P11	70	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN CONG HOANG	P11	82	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN TIEN HIEP	P11	83-84	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI CONG THANG	P11	71	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HONG MINH	P11	68	1	10	50	90	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG TAN	P11	76-77	2	18		58	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HIEN	P11	69	1	3		70	PSV	Vietnamese
21	PHAM NGOC CHI	P11	72	1	5	10	60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	2	2	18	135	0	0		
2	BK10	6	6	46	438	40	6		
3	P11	13	12	83	864	154	16		
TOTAL		21	20	147	1.437	194	22		
WEIGHT KG				147	1.437	194			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/10/2018	TO: BK3 - PVD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - N.Nam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK3	11-12	2	17		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH NHAN	BK3	13	1	7		66	PSV	Vietnamese
3	LE VAN TRUONG	PVD2	69	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
4	DANG THANH TU	PVD2	76	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
5	CAO XUAN VINH	PVD2	78	1	12		83	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN SON	PVD2	63	1	14		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH LIEM	PVD2	77	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DINH AN	PVD2	71	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN BINH	PVD2	70	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	LE HUU DUNG	PVD2	64	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	LE ANH SON	PVD2	81-82	2	14		63	KHOAN	Vietnamese
12	VU THANH HUY	PVD2	74-75	2	13		68	KHOAN	Vietnamese
13	TELESHENKO IVAN	PVD2	62	1	8		118	KHOAN	Russian
14	NGUYỄN VĂN TRUNG	PVD2	83	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN CAO TRIEU	PVD2	72-73	2	13		64	DVL	Vietnamese
16	ĐẠO TIEN PHAT	PVD2	79-80	2	17		84	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN CAO TRUNG	PVD2	86-87	2	12		62	DVL	Vietnamese
18	LỤC TRI HOANG	PVD2	65-66	2	14		66	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH NHẬT	PVD2	85	1	5		62	T-TIN	Vietnamese
20	TRẦN KHANH TOÀN	PVD2	84	1	4	20	50	T-TIN	Vietnamese
21	TRAN TAN DAT	PVD2	67	1	11		55	KHOAN	Vietnamese
22	LE QUANG HUNG	PVD2	68	1	3		62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	2	3	24	135	0	2		
2	PVD2	20	26	184	1.393	20	20		
TOTAL		22	29	208	1.528	20	22		
WEIGHT KG				208	1.528	20			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/10/2018	TO: P9 - BK4	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - MQUÂN	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HIỆU	P9	01	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH HIẾN	P9	02-03	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TUNG	P9	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀU THE HAI	P9	13	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
5	HƯA SAY	P9	12	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	07	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	06	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐÀ KHA	P9	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯƠNG XUÂN THAI	P9	10-11	2	7		72	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	16	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH HUY KIỆM	P9	06	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC BÌNH	P9	04-05	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM THE THUẬN	P9	08	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH THUẬN	BK4	99,600	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HÀ CHIẾN THĂNG	BK4	60	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO VĂN HỘI	BK4	17	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN NG. BAO CHÂU	BK4	36	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	98	1	5		66	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	BK4	16	1	3		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	13	16	95	921	0	15		
2	BK4	6	7	34	421	0	7		
TOTAL		19	23	129	1.342	0	22		
WEIGHT KG				129	1.342	0			

GRAND TOAL: 1.471 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02-Oct-18	TO: BK6 - CTK3 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Vận - NNam	ETA: 13:15
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN MINH TUÂN	CTK3	83	1	13	33	58	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN MẠNH	CTK3	84-86	3	15		68	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN HIỆP THANH	CTK3	98	1	8		85	CODIEN	Vietnamese
4	MAI ĐÌNH KHANG	CTK3					55	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC SƠN	P2	98-99,600	3	15		60	KH-THAC	Vietnamese
6	BIỆN ĐANG SAM	P2	97	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH UT	P2	66	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯƠNG THẾ VINH	P2	68	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN MINH XANH	P2	64	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THẾ KHUÔNG	P2	63	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔ ĐÌNH TUYẾN	P2	65	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	73	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG MINH QUÂN	P2	69	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	72	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	71	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	70	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN ĐỨC	P2	67	1	5		73	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	0	0	0	0	0	0		CHUYEN 3 PAX BK6 SANG CTK3
2	CTK3	4	5	36	266	33	0		
3	P2	14	15	82	907	0	22		
TOTAL		18	20	118	1.173	33	22		
WEIGHT KG				118	1.173	33			

GRAND TOAL: 1.324 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/10/2018

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+CTK3	7:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
2		MRM	7:30	4	0		18	0	
3		BK4+TD1+CLO	9:25	7+3+12	0+0+0		0+8+14	0+0+0	
4		MRM	11:00	0	0		18	0	

Người lập kế hoạch (Ký và ghi rõ họ tên)

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2018	TO: TD1 - CTK3 - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: TTrung - Phong - THỤ	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOROTKOV V.A	TD1				30	105	KHOAN	Russian
2	LÊ TIÊN DUNG	TD1	76	1	3	46	68	KHOAN	Vietnamese
3	CHEPKO V.V	TD1	88	1	6		85	KHOAN	Russian
4	SOCHIVETS I.M	TD1	87	1	8		108	KHOAN	Russian
5	DƯƠNG XUÂN THĂNG	TD1	69	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	ĐANG VIỆT KHÔI	TD1					73	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THIỆU	TD1	86	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	90	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	85	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	89	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THIẾT	TD1	70-71	2	11		61	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỞNG DƯƠNG	TD1	75	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
13	TRỊNH CAO TRỌNG	TD1	81-82	2	11		75	KHOAN	Vietnamese
14	BUI MẠNH PHÚC	TD1	84	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG VĂN THƯƠNG	TD1	68	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD1	77	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN ĐỒNG	TD1	79	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
18	ĐINH CHÍ CÔNG	TD1	80	1	14		64	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ HỮU HẬU	TD1	83	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG KHANH	TD1	91	1	10		85	NHA THAU	Vietnamese
21	LÊ MẠNH HÙNG	TD1	92	1	5		72	ANTOAN	Vietnamese
22	PHAN THANH TÀI	TD1	78	1	7		55	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	22	135	1.650	76	18		01 DIEU PHAI: DINH MANH DUC
2	CTK3	0	0	0	0	34	3		
3	VSP02	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	22	135	1.650	110	22		
WEIGHT KG				135	1.650	110			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2018	TO: MRM	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:25
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hoài - HLONG	ETA: 10:30
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GRYZLOV ALEXEY	MRM	76	1	8		120	KHOAN	Russian
2	BARUEV ALEKSANDR	MRM	77	1	10		113	KHOAN	Russian
3	TRẦN TRUNG HẬU	MRM	72	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM BA DƯƠNG	MRM	73	1	10		84	KHOAN	Vietnamese
5	KUZNETSOV	MRM	71	1	10	100	108	KHOAN	Russian
6	NGUYEN NGOC CUONG	MRM	74	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DINH SUNG	MRM	75	1	6		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	7	7	58	652	100	18		
	TOTAL	7	7	58	652	100	18		
	WEIGHT KG			58	652	100			

GRAND TOAL: 810 KGS

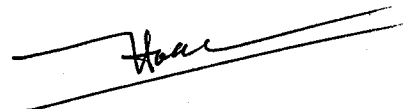
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2018	TO: CLO - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TTrung - Phong - THU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN HUNG	CLO	35	1	6	27	70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN DUY QUANG	CLO	28-29	2	15	50	91	YTE	Vietnamese
3	LA VIET HUNG	CLO	31	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TUONG LONG	CLO	33	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC LY	CLO	86	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
6	VU MINH TU	CLO	26	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN HUU SON	CLO	25	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN KIM HUNG	CLO	24	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN BUI QUANG	CLO	27	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM THE TAM	CLO	37-38	2	12		81	KHOAN	Vietnamese
11	DI NH CHI THAM	CLO	30	1	8		69	NHA THAU	Vietnamese
12	NGUYEN HONG PHUOC	CLO	32	1	11		70	ANTOAN	Vietnamese
13	DEMIN	CLO	34	1	10		105	KHOAN	Russian
14	TRAN ANH VINH	TD1	96	1	8		60	DVL	Vietnamese
15	TRAN DAI HUNG	TD1	97	1	8		68	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN HUU TRIET	TD1	95	1	9		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	13	15	100	990	77	14		
2	TD1	3	3	25	193	0	8		
TOTAL		16	18	125	1.183	77	22		
WEIGHT KG				125	1.183	77			

GRAND TOAL: 1.385 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2018	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:00
FLIGHT:	TO: MRM	CREW: KIÊN - Toàn	ETA: 14:00

ROUTE: VT - MRM - VT

No.	PAX.NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - MRM								
1	NIL PAX					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	18	WT:	0	0
	TOTAL	0						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					
REMARK :					PAX.WEIGHT
					0
					BAG.WEIGHT
					0
					CARGO WEIGHT
					0
					TOTAL
					0

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name & signature)

1. TOTAL OF PAX:

2. FREIGHT \$ BAG:

FINISHED: 00:00

FUEL

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/10/2018

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+TD3 <i>JS2</i>	7:25	7+15	0+0		3+19	0+0	
2		<i>JS2+TD3</i>	7:25	13+9	0+0		13+9	0+0	<i>Kiểm tra TC 7D3</i>
3		TD2+TD5	7:25	13+9	0+0		11+11	0+0	CHUYỂN HÀNG TỪ TD2- TD5
4		TTC2+P8+TD2	9:25	1+0+13	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TTC2-P8
5		BK14+TD5	9:25	2+11	0+0		0+22	0+0	
6		JS2	9:25	17	0		22	0	
7		P5+RC3+RC4	11:25	15+0+2	0+0+0		17+2+3	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 4 NGƯỜI BK8 + 2 NGƯỜI TD5 VỀ QUA TD3



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2018	TO: RP2 - JS2 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TRONG THANG	RP2	96	1	8		64	XAY LAP	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC LONG	RP2	95	1	18		60	XAY LAP	Vietnamese
3	BUI HONG SANG	RP2	63	1	13		88	XAY LAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN BAN	RP2	94	1	5		70	PVE	Vietnamese
5	LA XUAN THANG	RP2	200	1	5	62	60	PVE	Vietnamese
6	TRINH MINH THONG	RP2	900	1	6		50	PVE	Vietnamese
7	KIEU VAN NGHIEP	RP2	88	1	7		57	PVE	Vietnamese
8	LE QUANG CUONG	JS2	48	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
9	GALVIN NOEL GOMES	JS2	41	1	4		94	KHOAN	Indian
10	MENOSMAN OZGHIUR	JS2	45-46	2	18		70	KHOAN	Romania
11	NGUYEN TRONG BANG	JS2	43	1	12		64	KHOAN	Vietnamese
12	LE KHAC DO VAN	JS2	50	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN DINH GIAP	JS2	49	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
14	LE NHO CANG	JS2	51	1	7	55	68	KHOAN	Vietnamese
15	BUI DUC CHUYEN	JS2	44	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
16	VO TA MAU	JS2	47	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG VAN THE	JS2	52	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
18	DO DUC MANH	JS2	40	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TRONG	JS2	38	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
20	BUI QUOC GIA	JS2	39	1	4		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	7	7	62	449	62	3		
2	JS2	13	14	118	940	55	13		
3	TD5	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		20	21	180	1.389	117	22		
WEIGHT KG				180	1.389	117			

GRAND TOAL: 1.686 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/10/2018	TO: TD2 - TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hồi - MTuấn - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

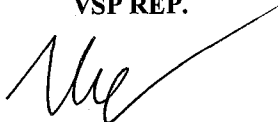
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POROMARENKO A.	TD2	70	1	5		102	KHOAN	Russian
2	TOIB R.R	TD2	69	1	6		96	KHOAN	Russian
3	FOK S.I	TD2	71	1	6		127	KHOAN	Russian
4	ZHURBIN N.B	TD2	600	1	7		92	KHOAN	Russian
5	IOV R.IU	TD2	72	1	7		66	KHOAN	Russian
6	GUSHEYNOV M.A	TD2	64	1	5		80	KHOAN	Russian
7	CHU VAN HUNG	TD2	66	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HAI	TD2	73	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
9	BUI HUU HONG	TD2				40	90	KHOAN	Vietnamese
10	VUONG DINH LIEN	TD2	65	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
11	LE VIET CHIEN	TD2	67	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGO VAN BAC	TD2	99	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	DO VAN HUNG	TD2	68	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
14	ALEKHIN A.G	TD5	98	1	10		98	KHOAN	Russian
15	NGUYEN XUAN HAI	TD5	06	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN MINH HIEU	TD5	95	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
17	LE MANH THANG	TD5	96	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN LAM	TD5	97	1	11		64	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN THE	TD5	45	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN VAN THIEU	TD5	05	1	7	55	78	KHOAN	Vietnamese
21	MAI TRUONG TRUNG	TD5	500	1	11	23	57	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN VAN DAM	TD5	99	1	5		85	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

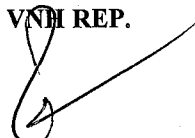
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	13	12	61	1.054	40	11	11	CHUYEN 10 KG HANG TU TD2 SANG TD5
2	TD5	9	9	67	675	78	11	11	
TOTAL		22	21	128	1.729	118	22	22	
WEIGHT KG				128	1.729	118			

GRAND TOAL: 1.975 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2018	TO: TTC2 - P8 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hồi - MTuấn - DTùng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VÕ NGỌC QUYNH	TTC2	99	1	5	15	60	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN HUNG HUNG	TD2	78-79	2	10		95	KHOAN	Vietnamese
3	CAO VĂN LỢI	TD2	77	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
4	MAI VĂN HOANG	TD2	76	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ QUỐC TOÀN	TD2	85	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN HOANG	TD2	86	1	6	30	70	NHA THAU	Vietnamese
7	PIATOV C.B	TD2	82	1	12		95	KH-THAC	Russian
8	NGUYEN QUANG ANH	TD2	83	1	9		66	ANTOAN	Vietnamese
9	BUI PHUONG MAI	TD2	88	1	10		60	NIPI	Vietnamese
10	NGUYỄN HAI YẾN	TD2	87	1	7		55	NIPI	Vietnamese
11	TRẦN ANH ĐỨC	TD2					70	GETRACO	Vietnamese
12	ĐẶNG QUỐC KHÁNH	TD2	81	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
13	VŨ THANH TIẾN	TD2	84	1	3		50	GETRACO	Vietnamese
14	PHAN VĂN HẬU	TD2	80	1	10		70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	1	1	5	60	15	0	+1	CHUYỂN 1 PAX TTC2 SANG P8
2	P8	0	0	0	0	55	0		
3	TD2	13	13	84	877	30	22		
TOTAL		14	14	89	937	100	22		
WEIGHT KG				89	937	100			

GRAND TOAL: 1.126 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2018	TO: BK14 - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hạnh - QViệt - Toan	ETA: 11:20
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ANH HÙNG	BK14	62	1	15	50	75	CODIEN	Vietnamese
2	TÔ TIẾN HÙNG	BK14	60-61	2	10		75	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	15	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÀO THANH SƠN	TD5	14	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TỊNH	TD5	46	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
6	VÕ NGUYỄN KHANG	TD5	12	1	10	100	79	KHOAN	Vietnamese
7	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	14	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
8	VÕ SĨ HOÀI THANH	TD5				30	65	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	11	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
10	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5	47	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN QUANG HUY	TD5	17	1	10		82	D-HANH	Vietnamese
12	PHẠM HAI ĐĂNG	TD5	16	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN HÒN	TD5	13	1	10		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	2	3	25	150	50	0		
2	TD5	11	10	68	780	130	22		
TOTAL		13	13	93	930	180	22		
WEIGHT KG				93	930	180			

GRAND TOAL: 1.203 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2018	TO: JS2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNam	ETA: 11:30
vang-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TAN KHANG	JS2	08	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DUC	JS2	70	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THAI HOP	JS2	63	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
4	LE TIEN DUONG	JS2	60	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MANH HUNG	JS2	59	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
6	TA NGOC HA	JS2	61	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
7	DANG THE THANH	JS2	67	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
8	DANG VAN THUC	JS2	70	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG QUOC VIET	JS2	62	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN PHUC	JS2	69	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
11	BUI ANH DUC	JS2	68	1	14		65	KHOAN	Vietnamese
12	BUI CAO HUY	JS2	64	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
13	LE QUYET THANG	JS2	65-66	2	17		68	KHOAN	Vietnamese
14	LE ANH TUAN	JS2	77	1	13		65	CODIEN	Vietnamese
15	ĐANG DINH TUAN	JS2	73	1	11	29	71	CODIEN	Vietnamese
16	PHAM TIEN DUNG	JS2	72	1	8		67	CODIEN	Vietnamese
17	VU DINH NAM	JS2	56-57	2	12		59	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	17	19	137	1.147	29	22		
TOTAL		17	19	137	1.147	29	22		
WEIGHT KG				137	1.147	29			

GRAND TOAL: 1.313 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2018	TO: P5 - RC3 - RC4	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hạnh - Q Việt - Toàn	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	QUÁCH VĂN TÔI	P5	58	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ VĂN HOA	P5	53	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
3	PHẦN VĂN THANH	P5	49	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH HÙNG	P5	96	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ NGỌC THANH	P5	51-52	2	12	30	71	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ VĂN QUÝ	P5	50	1	6		52	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẠO DANH THANH	P5	98	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ VĂN DOANH	P5	48	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐÀU CAO KHANG	P5	47	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	P5	46	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VINH THUẬT	P5	99	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN HUY	P5	97	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGÔ HỒNG GIANG	P5	57	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	MAI TUẤN KIẾT	P5	54	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGÔ DUY NGỌC	P5	59	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐUNG	RC4	98	1	10		55	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH THAO	RC4	97	1	12		67	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	15	16	116	1.005	30	17		
2	RC3	0	0	0	0	0	2		
3	RC4	2	2	22	122	0	3		
TOTAL		17	18	138	1.127	30	22		
WEIGHT KG				138	1.127	30			

GRAND TOAL: 1.295 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN